

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày 21 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và ông Mai Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thái D, sinh ngày 27/12/1982, tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang Đ (đã chết) và bà Trần Thị D; có vợ là Hoàng Thị X (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014); nhân thân: ngày 10/12/2003, bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; ngày 25/12/2018 bị Công an thị xã B xử phạt hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”; tiền án: 01 tiền án, ngày 19/10/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/5/2023, sau đó chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho đến nay. Theo lịch trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thái H, sinh ngày 12/12/1985, tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con Hoàng Hồng C và bà Hoàng Thị B; có vợ là Cao Thị H (đã ly hôn) và 01 con. Nhân thân: Năm 2002 bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”; năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/5/2023, sau đó chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho đến nay. Theo lịch trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Anh Lê Đức H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Chị Trần Thị Ái P, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941; nơi cư trú: Tổ 3, tổ dân phố 8, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 19/5/2023, Hoàng Thái H đang ngồi chơi tại nhà Nguyễn Thái D thì rủ nhau đi chơi nên D mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter RC của anh Phạm Văn H rồi điều khiển xe chở Hoàn đi chơi. Khi đi đến khu vực thuộc tổ dân phố 6, phường Q, thị xã B thì nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α đang dựng cạnh chòi chắn vệt. D quan sát xung quanh không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp và điều khiển xe chạy đến vị trí xe mô tô nói trên khoảng 10 mét rồi quay lại, dừng xe, rút chìa khóa xe mô tô đang đi cầm trên tay (do ổ khóa điện bị tròn nên khi rút chìa khóa ra thì xe vẫn nổ) rồi nói với H “Mi đứng đây chờ tí,

để tau vô lấy cây xe ni” thì H đồng ý (H hiểu là D bảo H đứng ngoài cảnh giới để D vào lấy trộm xe mô tô nói trên). Sau đó D cầm theo chìa khóa xe mô tô của anh H đi đến vị trí xe mô tô nói trên. Vì không thấy chìa khóa xe nên D dùng chìa khóa cầm trên tay tra vào ổ khóa và mở, khởi động được xe. Khi thấy D lấy được xe thì H điều khiển xe mô tô của anh H chạy trước, D điều khiển xe vừa lấy trộm được cùng đi về hướng phường B. Sau đó cả hai đi vòng lại theo đường Quốc lộ 12A đi đến khu vực thôn H, xã Q, thị xã B thì xe mô tô mà D điều khiển bị hết xăng, tắt máy nên D xuống xe, đổi xe với H và D điều khiển xe mô tô của anh H rồi dùng chân đạp đẩy xe đi. Cả hai đi đến cơ sở thu mua phế liệu của anh Lê Đức H và bán xe mô tô đã lấy trộm được cho anh H với giá 1.100.000 đồng. Sau đó D mở cốp xe thì thấy giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị Ái P nên D cầm theo người, đồng thời tháo biển kiểm soát của xe trộm cắp được để trước xe mô tô của anh H rồi chờ H đi về. Khi đi ngang qua cầu Quảng Hải thì H rút biển kiểm soát nói trên xuống sông Gianh. Số tiền có được cả hai cùng nhau tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐ ngày 24/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận, tại thời điểm bị trộm cắp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , sơn màu đỏ - đen, biển kiểm soát 73N3-5842, số khung 140751, số máy 5240791, đã qua sử dụng, có giá trị 5.000.000 đồng;

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter RC, sơn màu đen, biển kiểm soát 73K1-02788, số khung PB30EY063143, số máy 1PB3063144; 01 chìa khóa xe máy nhãn hiệu Yamaha, có dòng chữ A7809276; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , sơn màu đỏ - đen, không gắn biển số, số khung 140751, số máy 5240791 và xe đã bị tháo rời một số bộ phận gồm: 01 bộ mang xe sơn màu đỏ, bằng nhựa (đã bị tháo ra thành nhiều mảnh); 01 hộp đèn trước; 01 bộ bàn đạp chân phía sau; 01 mặt nạ phía trước, bằng nhựa, màu đỏ; 01 dè chắn bùn bánh trước, bằng nhựa, màu đỏ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 00025441. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter RC và 01 chìa khóa xe máy nhãn hiệu Yamaha thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phạm Văn H là công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, anh H không biết việc D mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh H. Đối với 01 xe mô tô Honda Wave α bị lấy trộm và tháo rời một số bộ phận nói trên cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy là tài sản của ông

Nguyễn Văn T nên đã trả lại cho ông T. Đối với 01 biên số 73N3-5842 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo D, bị cáo H bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Đức H yêu cầu bị cáo D và bị cáo H bồi hoàn số tiền 1.100.000 đồng, các bị cáo đã bồi hoàn đầy đủ cho anh H. Ông T và anh H cam đoan không khiếu nại gì về sau

Liên quan trong vụ án có anh Phạm Văn H là người cho bị cáo D mượn xe mô tô, anh H không biết việc bị cáo D mượn xe dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên không cấu thành đồng phạm; Đối với anh Lê Đức H là người đã mua lại xe mô tô do D và H trộm cắp nhưng anh H không bàn bạc gì trước và không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không cấu thành đồng phạm tội trộm cắp tài sản, tội chứa chấp tài sản hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành nhắc nhở, giáo dục chung đối với anh H và anh H là phù hợp.

Tại bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSBD, ngày 25/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thái D và bị cáo Hoàng Thái H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái D và bị cáo Hoàng Thái H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thái D từ 12 đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thái H từ 09 đến 12 tháng tù;

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không xem xét

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thái D và Hoàng Thái H phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước

Bị cáo Nguyễn Thái D và bị cáo Hoàng Thái H nhất trí với tội danh và khung hình phạt như bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSBD, ngày 25/8/2023 và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào sáng ngày 19/5/2023, lợi dụng sự chủ quan, sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại, bị cáo Nguyễn Thái D và Hoàng Thái H đã lén lút trộm cắp tài sản là một chiếc xe mô tô Honda Wave α cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của ông Nguyễn Văn T trị giá tại thời điểm bị trộm cắp là 5.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã có đầy đủ yếu tố cấu thành của tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Chính các bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi, có khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật nhất định. Lẽ ra, các bị cáo phải chịu khó học tập, rèn luyện, lao động để tạo ra thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và gia đình

nhưng chỉ vì lười lao động, đua đòi, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý phạm tội.

Trong vụ án này D là người giữ vai trò cầm đầu, chủ động và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên D phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Ngày 19/10/2021, bị cáo D bị Tòa án nhân dân thị xã B xử phạt 30 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm.

Bị cáo H khi hiểu D có ý định trộm cắp tài sản không những không can ngăn, phản đối mà còn tích cực tham gia giúp sức cho D trong việc cảnh giới và đưa tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Vì vậy, bị cáo H phải chịu trách nhiệm sau D với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Bị cáo D và H đều có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tự răn đe mình mà lại tiếp tục phạm tội. Điều đó thể hiện các bị cáo có ý thức coi thường pháp luật, sẵn sàng phạm tội khi có điều kiện. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xét xử nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thái D bị áp dụng tình tiết “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội các bị cáo đã hoàn trả đầy đủ thiệt hại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, cần căn cứ vào các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo D có bố là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[5] Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt là phù hợp và tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

[6] Về hình phạt: Các Bị cáo có nhân thân xấu. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã hoàn trả đầy đủ tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị hại đã nhận lại tài sản và cam đoan không khiếu nại, khiếu kiện gì về sau. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng quá trình điều tra không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã thu giữ và trả lại tài sản cho chủ sở hữu, không có ai có yêu cầu gì. Xét thấy việc thu giữ và xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thái D và bị cáo Hoàng Thái H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái D và bị cáo Hoàng Thái H phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái D 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bắt tạm giữ (20/5/2023)

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thái H 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (20/5/2023)

Tiếp tục tạm giam hai bị cáo Nguyễn Thái D và Hoàng Thái H 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Quyết định tạm giam các bị cáo tại phiên tòa để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

4. Về vật chứng vụ án: Không xem xét

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14; buộc bị cáo Nguyễn Thái D và

bị cáo Hoàng Thái H phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt tại phiên tòa) hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt tại phiên tòa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- CA thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà